CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG 806 Âu Cơ, P Tân Bình , TP.HCM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 22.26 CV/VID-HĐQT *TP.HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: **- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
   - Mã chứng khoán: VID
   - Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
   - Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
   - E-mail: info@dautuviendong.vn Website: https//:dautuviendong.vn
2. Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố :
   - Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026
   - Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/08/2026 tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Tài liệu đính kèm:

- *BCTC riêng bán niên năm 2026*
- *BCTC hợp nhất bán niên năm 2026*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

TRẦN HOÀNG NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300377536
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.26 09:35:37 +07'00'
Foxit PDF Editor Version: 13.1.2

AASCS

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

A Member of msi Global Alliance
Independent Legal & Accounting Firms

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng	*6 – 10*
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	*11*
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	*12 – 13*
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	*14 – 47*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 19 vào ngày 10 tháng 10 năm 2025 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại 806 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 lỗ 7.152.536.105 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2025 lợi nhuận sau thuế lãi 970.752.870 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30/06/2026 là 10.861.142.110 VND (Tại thời điểm 31/12/2025 lợi nhuận chưa phân phối là 18.013.678.215 VND).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hoàng Nghĩa	Chủ tịch – Miễn nhiệm chức danh Thành viên và bổ nhiệm chức danh Chủ tịch từ ngày 23/04/2026
Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch – Miễn nhiệm ngày 23/04/2026
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Ông Nguyễn Bình Quí	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026
Bà Trần Thị Tình	Thành viên – Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hoàng Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Phê duyệt và công bố báo cáo tài chính riêng

Ông Trần Hoàng Nghĩa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Bùi Quang Minh – Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố báo cáo tài chính riêng kèm theo Giấy ủy quyền số 01.25/UQ/VID-HCNS ngày 10/10/2025. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét và kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng này;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngoài ra, Công ty cũng lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 của Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty") để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

Số: 742 /BCSX/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, được lập ngày 25/08/2026, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc

Tạ Quang Long
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**10.261.460.808**	**27.436.138.150**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**1.405.456.174**	**324.614.330**
1. Tiền	111		1.405.456.174	324.614.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.250.060.217**	**23.100.377.706**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.009.115.804	29.459.115.804
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.538.509.638	3.076.723.371
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	3.860.720.548	20.722.824.304
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(30.158.285.773)	(30.158.285.773)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**4.605.944.417**	**4.011.146.114**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.10	34.323.248	34.346.804
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		4.509.116.760	3.914.294.901
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.12	62.504.409	62.504.409
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**426.706.397.690**	**416.536.613.277**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**32.933.596.002**	**30.946.139.967**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	32.812.296.831	30.809.355.798
- Nguyên giá	222		109.743.860.517	103.922.083.451
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(76.931.563.686)	(73.112.727.653)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	121.299.171	136.784.169
- Nguyên giá	228		606.884.723	606.884.723
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(485.585.552)	(470.100.554)
III. Tài sản sinh học dài hạn	**230**		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	**250**	V.7	**6.310.952.500**	**7.571.091.656**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		6.310.952.500	7.571.091.656

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**	V.2	**387.009.407.140**	**377.309.407.140**
1. Đầu tư vào công ty con	261		184.887.018.700	184.887.018.700
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		115.496.728.440	115.496.728.440
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		42.679.160.000	42.679.160.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(753.500.000)	(753.500.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		44.700.000.000	35.000.000.000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	**270**		**452.442.048**	**709.974.514**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.10	452.442.048	709.974.514
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**436.967.858.498**	**443.972.751.427**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.992.510.255**	**2.844.867.079**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2.992.510.255**	**2.844.867.079**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	538.972.607	359.005.329
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.12	23.552.217	34.511.015
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.13	337.319.689	339.684.993
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.14	2.092.665.742	2.111.665.742
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	V.15	**433.975.348.243**	**441.127.884.348**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*408.360.690.000*	*408.360.690.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.254.265.000	3.254.265.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.073.451.644	3.073.451.644
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.425.799.489	8.425.799.489
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.861.142.110	18.013.678.215
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		18.013.678.215	2.698.364.713
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(7.152.536.105)	15.315.313.502
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**436.967.858.498**	**443.972.751.427**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**3.954.135.617**	**4.403.116.446**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	VI.2	**3.954.135.617**	**4.403.116.446**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**1.219.132.237**	**1.072.666.076**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**2.735.003.380**	**3.330.450.370**
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	3.124.989.213	9.568.314.773
8. Chi phí tài chính	23		-	-
Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	13.003.947.614	12.990.988.850
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(7.143.955.021)**	**(92.223.707)**
12. Thu nhập khác	31	VI.5	2.100.000	1.063.003.590
13. Chi phí khác	32	VI.6	10.681.084	27.013
14. Lợi nhuận khác	**40**		**(8.581.084)**	**1.062.976.577**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(7.152.536.105)**	**970.752.870**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(7.152.536.105)**	**970.752.870**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			***(7.152.536.105)***	***970.752.870***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.834.321.031	3.659.685.922
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(3.124.989.213)	(10.629.773.187)
- Chi phí đi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		***(6.443.204.287)***	***(5.999.334.395)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.578.257.274	(5.131.261.668)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		166.643.176	42.685.293
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		257.556.022	176.558.720
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.000.000)	(205.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		***(3.459.747.815)***	***(11.116.352.050)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.561.637.910)	(2.867.700.008)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.300.000.000	10.980.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.020.220.000)
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		16.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.802.227.569	3.700.326.554
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		***4.540.589.659***	***8.792.406.546***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG *(tiếp theo)*

(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**1.080.841.844**	**(2.323.945.504)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		**324.614.330**	**3.549.028.587**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		**1.405.456.174**	**1.225.083.083**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 19 vào ngày 10 tháng 10 năm 2025 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

Trụ sở chính của Công ty tại 806 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 là: 15 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 16 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa giấy	230.400.000.000	51,03%	51,03%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục	173.109.780.000	33,27%	40,68%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Cho thuê văn phòng, đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh…	45.000.000.000	32,98%	41,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học	136.890.000.000	28,33%	38,70%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Trồng, kinh doanh chế biến và xuất khẩu chè, cà phê, nông sản. Kinh doanh vật tư nông nghiệp…	19.505.110.000	27,04%	27,04%

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

+ Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

b) Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này.Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

c) Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính riêng. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25	06 – 25
- Máy móc, thiết bị	05 – 12	05 – 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03	03
- Phần mềm máy tính	03 - 06	03 - 06

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian tạo ra lợi ích kinh tế tương ứng. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản chi phí chờ phân bổ được theo dõi theo từng kỳ hạn đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí chờ phân bổ khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua,bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;

- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu. Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối và phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

b) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c) Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	127.302.827	172.452.971
+ Tiền mặt (VND)	107.244.447	152.394.591
+ Tiền mặt (USD)	20.058.380	20.058.380
Tiền gửi ngân hàng	1.278.153.347	152.161.359
+ Tiền gửi (VND)	1.278.153.347	152.161.359
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*1.047.274.939*	*53.949.574*
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*225.536.205*	*95.864.437*
Các ngân hàng khác	*5.342.203*	*2.347.348*
Cộng	**1.405.456.174**	**324.614.330**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu cho vay dài hạn	**44.700.000.000**	**44.700.000.000**	-	**35.000.000.000**	**35.000.000.000**	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (i)	33.700.000.000	33.700.000.000	-	35.000.000.000	35.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt (ii)	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-	-	-
Cộng	**44.700.000.000**	**44.700.000.000**	-	**35.000.000.000**	**35.000.000.000**	-

(i)Chi tiết khoản cho vay như sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn cho vay	Số tiền cho vay (VND)	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo	Số dư tại ngày 30/06/2026 (VND)
01/HĐVV/VĐ-VM	8/12/2025	24 tháng	21.000.000.000	7,00%	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	19.700.000.000
02/HĐVV/VĐ-VM	15/12/2025	24 tháng	8.000.000.000	7,00%	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	8.000.000.000
03/HĐVV/VĐ-VM	26/12/2025	24 tháng	6.000.000.000	7,00%	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	6.000.000.000
						33.700.000.000

(ii) Chi tiết khoản cho vay như sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn cho vay	Số tiền cho vay (VND)	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo	Số dư tại ngày 30/06/2026 (VND)
04/HĐVV/VĐ-HV	03/03/2026	24 tháng	12.000.000.000	7,00%	Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	11.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con

Đối tượng	30/06/2026		01/01/2026	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (*)	51,03%	184.887.018.700	51,03%	184.887.018.700
Cộng		**184.887.018.700**		**184.887.018.700**
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		-		-
Giá trị thuần		**184.887.018.700**		**184.887.018.700**

(*) Thông tin chủ yếu về công ty con được trình bày tại Thuyết minh số I.5.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đối tượng	30/06/2026		01/01/2026	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33,27%	33.745.517.000	33,27%	33.745.517.000
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	32,98%	14.841.400.000	32,98%	14.841.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	28,33%	62.160.500.000	28,33%	62.160.500.000
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	4.749.311.440	27,04%	4.749.311.440
Cộng		**115.496.728.440**		**115.496.728.440**
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-		-
Giá trị thuần		**115.496.728.440**		**115.496.728.440**

***(*) Ghi chú:** Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty trong các công ty liên kết, liên doanh xem ở Thuyết minh I.5.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối tượng	30/06/2026		01/01/2026	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		28.679.160.000		28.679.160.000
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt (i)	*14,00%*	14.000.000.000	*14,00%*	14.000.000.000
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (ii)	*6,71%*	27.925.660.000	*6,71%*	27.925.660.000
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An (iii)	*13,87%*	416.000.000	*13,87%*	416.000.000
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt (iii)	*15,00%*	337.500.000	*15,00%*	337.500.000
Cộng		**42.679.160.000**		**42.679.160.000**
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		753.500.000		753.500.000
Giá trị thuần		**41.925.660.000**		**41.925.660.000**

(i) Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt là 19,00% (bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty con).
(ii) Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ là 20,74% (bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty con).
(iii) Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An và Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt bằng với tỷ lệ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**29.009.115.804**	**29.459.115.804**
Các khách hàng là bên liên quan	***19.309.970.801***	***19.759.970.801***
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	19.259.970.801	19.759.970.801
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	25.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	24.500.000	-
Các khách hàng là bên thứ ba	***9.699.145.003***	***9.699.145.003***
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	9.699.145.003
Các khách hàng khác	-	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**29.009.115.804**	**29.459.115.804**
Dự phòng phải thu khách hàng	28.959.115.804	28.959.115.804
Giá trị thuần	**50.000.000**	**500.000.000**

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**1.538.509.638**	**3.076.723.371**
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	***1.538.509.638***	***3.076.723.371***
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	1.062.600.000
Các nhà cung cấp khác	475.909.638	2.014.123.371
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**1.538.509.638**	**3.076.723.371**
Dự phòng trả trước người bán	1.199.169.969	1.199.169.969
Giá trị thuần	**339.339.669**	**1.877.553.402**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**3.860.720.548**	**20.722.824.304**
Tạm ứng	40.000.000	24.865.400
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	5.000.000
Phải thu khác	**3.815.720.548**	**20.692.958.904**
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	***3.815.720.548***	***20.692.958.904***
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (Cổ tức)	-	380.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt (Chuyển nhượng khoản đầu tư)	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt (Lãi cho vay)	205.397.260	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (Lãi cho vay)	610.323.288	112.958.904
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (Lợi nhuận hợp tác kinh doanh)	3.000.000.000	4.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba	-	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**3.860.720.548**	**20.722.824.304**
Dự phòng phải thu khác	-	-
Giá trị thuần	**3.860.720.548**	**20.722.824.304**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu khách hàng	**28.959.115.804**	**-**	**28.959.115.804**	**29.459.115.804**	**500.000.000**	**28.959.115.804**
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	19.259.970.801	-	19.259.970.801	19.759.970.801	500.000.000	19.259.970.801
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	-	9.699.145.003	9.699.145.003	-	9.699.145.003
Trả trước cho người bán	**1.199.169.969**	**-**	**1.199.169.969**	**1.199.169.969**	**-**	**1.199.169.969**
Công ty TNHH Xã hội Công dân Chuyên nghiệp	136.569.969	-	136.569.969	136.569.969	-	136.569.969
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	-	1.062.600.000	1.062.600.000	-	1.062.600.000
Cộng	**30.158.285.773**	**-**	**30.158.285.773**	**30.658.285.773**	**500.000.000**	**30.158.285.773**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

7. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ (01/01/2026)	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ (30/06/2026)
Công trình cải tạo trường học	5.128.000.000	262.170.000	-	5.390.170.000
Công trình cải tạo cổng chính	100.000.000	820.782.500	-	920.782.500
Công trình cải tạo phòng AI - Robotisc	-	165.706.620	165.706.620	-
Công trình cải tạo bề mặt sân thể thao đa năng, sân pickleball, sân bóng rổ	680.030.000	88.657.500	768.687.500	-
Công trình nội trú	1.518.037.795	303.398.029	1.821.435.824	-
Công trình cải tạo P. Zen	12.500.000	949.206.089	961.706.089	-
Công trình tham vấn học đường	132.523.861	1.971.717.172	2.104.241.033	-
Cộng	**7.571.091.656**	**4.561.637.910**	**5.821.777.066**	**6.310.952.500**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình					
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	91.947.165.101	6.186.761.517	3.476.988.326	2.311.168.507	103.922.083.451
Mua trong kỳ	5.821.777.066	-	-	-	5.821.777.066
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	**97.768.942.167**	**6.186.761.517**	**3.476.988.326**	**2.311.168.507**	**109.743.860.517**
Giá trị đã hao mòn					
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	61.623.669.835	6.021.026.339	3.173.585.204	2.294.446.275	73.112.727.653
Trích khấu hao trong kỳ	3.728.172.943	46.749.744	36.746.682	7.166.664	3.818.836.033
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	**65.351.842.778**	**6.067.776.083**	**3.210.331.886**	**2.301.612.939**	**76.931.563.686**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ (01/01/2026)	30.323.495.266	165.735.178	303.403.122	16.722.232	30.809.355.798
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2026)	**32.417.099.389**	**118.985.434**	**266.656.440**	**9.555.568**	**32.812.296.831**

**** Ghi chú:***

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 29.328.194.234 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định vô hình		
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	606.884.723	606.884.723
Mua trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	**606.884.723**	**606.884.723**
Giá trị đã hao mòn		
Số dư đầu kỳ (01/01/2026)	470.100.554	470.100.554
Trích khấu hao trong kỳ	15.484.998	15.484.998
Số dư cuối kỳ (30/06/2026)	**485.585.552**	**485.585.552**
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ (01/01/2026)	136.784.169	136.784.169
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2026)	**121.299.171**	**121.299.171**

**** Ghi chú:***

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 452.034.723 VND.

10. Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**34.323.248**	**34.346.804**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.323.248	34.346.804
b) Dài hạn	**452.442.048**	**709.974.514**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	349.069.917	581.205.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.372.131	128.768.733
Cộng	**486.765.296**	**744.321.318**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	**538.972.607**	**538.972.607**	**359.005.329**	**359.005.329**
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	***538.972.607***	***538.972.607***	***359.005.329***	***359.005.329***
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	321.715.535	321.715.535	252.422.321	252.422.321
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Ngày & Đêm	74.520.000	74.520.000	74.520.000	74.520.000
Các nhà cung cấp khác	142.737.072	142.737.072	32.063.008	32.063.008
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**538.972.607**	**538.972.607**	**359.005.329**	**359.005.329**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	30/06/2026
a) Phải nộp	**34.511.015**	**3.250.659.579**	**3.261.618.377**	**23.552.217**
Thuế thu nhập cá nhân	34.511.015	114.962.485	125.921.283	23.552.217
Thuế đất	-	3.125.036.010	3.125.036.010	-
Thuế, phí khác	-	10.661.084	10.661.084	-
b) Phải thu	**62.504.409**	-	-	**62.504.409**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.504.409	-	-	62.504.409

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

13. Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn	**337.319.689**	**339.684.993**
Kinh phí công đoàn	271.636.062	274.001.366
Bảo hiểm bắt buộc	1.164.029	1.164.029
Phải trả phải nộp khác	64.519.598	64.519.598
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**337.319.689**	**339.684.993**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tại ngày 01/01	2.111.665.742	2.462.345.742
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Chi khen thưởng, phúc lợi	(19.000.000)	(205.000.000)
Tại ngày 30/06	**2.092.665.742**	**2.257.345.742**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2025)	**408.360.690.000**	**3.254.265.000**	**3.073.451.644**	**8.425.799.489**	**23.116.399.213**	**446.230.605.346**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	15.315.313.502	15.315.313.502
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(20.418.034.500)	(20.418.034.500)
Số dư cuối năm trước (31/12/2025)	**408.360.690.000**	**3.254.265.000**	**3.073.451.644**	**8.425.799.489**	**18.013.678.215**	**441.127.884.348**
Số dư đầu năm nay (01/01/2026)	**408.360.690.000**	**3.254.265.000**	**3.073.451.644**	**8.425.799.489**	**18.013.678.215**	**441.127.884.348**
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(7.152.536.105)	(7.152.536.105)
Số dư cuối kỳ này (30/06/2026)	**408.360.690.000**	**3.254.265.000**	**3.073.451.644**	**8.425.799.489**	**10.861.142.110**	**433.975.348.243**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	%	01/01/2026 VND	%
Bùi Quang Mẫn	67.369.240.000	16,50	67.369.240.000	16,50
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	32.300.530.000	7,91	32.300.530.000	7,91
Nguyễn Thị Thu	29.147.730.000	7,14	29.147.730.000	7,14
Vốn góp của các cổ đông khác	279.543.190.000	68,45	279.543.190.000	68,45
Cộng	**408.360.690.000**	**100,00**	**408.360.690.000**	**100,00**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	408.360.690.000	408.360.690.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	408.360.690.000	408.360.690.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**40.836.069**	**40.836.069**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**40.836.069**	**40.836.069**
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**40.836.069**	**40.836.069**
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán riêng

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	841,00	841,00
Euro (EUR)	20,00	20,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng doanh thu	**3.954.135.617**	**4.403.116.446**
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.954.135.617	4.403.116.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**3.954.135.617**	**4.403.116.446**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.219.132.237	1.072.666.076
Cộng	**1.219.132.237**	**1.072.666.076**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	1.476.853.213	1.842.712.773
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.648.136.000	7.725.602.000
Cộng	**3.124.989.213**	**9.568.314.773**

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.376.000.438	4.628.628.133
Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	218.408.243	366.674.035
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.615.188.794	2.587.019.846
Thuế, phí và lệ phí	3.125.036.010	1.785.451.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.230.800.940	2.838.725.242
Chi phí bằng tiền khác	438.513.189	784.490.467
Cộng	**13.003.947.614**	**12.990.988.850**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	1.061.458.414
Thu nhập khác	2.100.000	1.545.176
Cộng	**2.100.000**	**1.063.003.590**

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	10.661.084	-
Chi phí khác	20.000	27.013
Cộng	**10.681.084**	**27.013**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

7.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(7.152.536.105)**	**970.752.870**
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	**996.479.938**	**(6.713.072.104)**
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.944.615.938	3.212.529.896
+ Chi phí không hợp lệ	*1.243.062.011*	*27.013*
+ Thù lao hội đồng quản trị	*396.000.000*	*396.000.000*
+ Tiền thuê đất phục vụ cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	*3.086.421.690*	*1.743.836.807*
+ Khấu hao TSCD phục vụ cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	*1.219.132.237*	*1.072.666.076*
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.948.136.000)	(9.925.602.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(1.648.136.000)*	*(7.725.602.000)*
+ Lợi nhuận sau thuế được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	*(3.300.000.000)*	*(2.200.000.000)*
Tổng thu nhập chịu thuế	**(6.156.056.167)**	**(5.742.319.234)**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7.2 Lỗ tính thuế chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 55.517.896.562 VND (tại 31/12/2025 là 49.361.840.395 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế (*)*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2026*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2026*
2021	2026	2.002.239.909	-	-	2.002.239.909
2022	2027	7.779.363.729	-	-	7.779.363.729
2023	2028	12.867.032.010	-	-	12.867.032.010
2024	2029	14.652.579.515	-	-	14.652.579.515
2025	2030	12.060.625.232	-	-	12.060.625.232
2026	2031	6.156.056.167	-	-	6.156.056.167
TỔNG CỘNG		**55.517.896.562**	**-**	**-**	**55.517.896.562**

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai của Công ty và chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	**Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025** VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	218.408.243	366.674.035
Chi phí nhân công	3.376.000.438	4.628.628.133
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.834.321.031	3.659.685.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.230.800.940	2.838.725.242
Chi phí khác bằng tiền	3.563.549.199	2.569.941.594
Cộng	**14.223.079.851**	**14.063.654.926**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
- Thành viên gia đình của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		**330.000.000**	**330.000.000**
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Chủ tịch	180.000.000	30.000.000
Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch - miễn nhiệm 23/04/2026	20.000.000	180.000.000
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Bình Quí	Thành viên	10.000.000	-
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát		**66.000.000**	**66.000.000**
Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Tình	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác		**563.008.872**	**535.562.321**
Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc	305.740.262	302.951.921
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	192.329.763	172.610.400
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng	64.938.847	60.000.000
Cộng		**959.008.872**	**931.562.321**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	180.000.000	180.000.000
		Thu nợ cho vay	-	10.980.000.000
		Lãi cho vay	-	1.842.161.233
		Thu lãi cho vay	-	1.887.643.014
		Nhận cổ tức được chia	380.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và dịch vụ	23.181.818	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	5.171.400.000
		Bán hàng hóa và dịch vụ	22.272.727	-
		Thu tiền chuyển nhượng khoản đầu tư Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	16.000.000.000	-
		Cho vay	12.000.000.000	-
		Thu nợ cho vay	1.000.000.000	-
		Lãi cho vay	262.183.561	-
		Thu lãi cho vay	56.786.301	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	742.070.000	742.070.000
		Nhận cổ tức được chia	742.070.000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Giá trị được hưởng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.300.000.000	3.790.287.219
		Bán hàng hóa và dịch vụ	308.681.072	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
		Thu nhập bán tài sản, công cụ dụng cụ	-	727.272.727
		Mua hàng hóa dịch vụ	433.668.608	418.021.695
		Cổ tức được chia	906.066.000	1.812.132.000
		Nhận cổ tức được chia	906.066.000	1.812.132.000
		Góp vốn cổ phần	-	3.020.220.000
		Thu nợ cho vay	1.300.000.000	-
		Lãi cho vay	1.214.432.877	-
		Thu lãi cho vay	604.109.589	-
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Thu tiền hàng	500.000.000	-

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			30/06/2026	01/01/2026
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con	Phải thu cổ tức được chia (thuyết minhV.5)	-	380.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.3)	19.259.970.801	19.759.970.801
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu từ hợp tác kinh doanh (thuyết minh V.5)	3.000.000.000	4.200.000.000
		Phải thu về cho vay (thuyết minh V.2)	33.700.000.000	35.000.000.000
		Phải thu lãi cho vay (thuyết minhV.5)	610.323.288	112.958.904

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			30/06/2026	01/01/2026
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết	Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.3)	25.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Phải thu chuyển nhượng khoản đầu tư (thuyết minh V.5)	-	16.000.000.000
		Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.3)	24.500.000	-
		Phải thu về cho vay (thuyết minh V.2)	11.000.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay (thuyết minhV.5)	205.397.260	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị sổ sách	**Dự phòng**	**Giá trị sổ sách**	**Dự phòng**
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.405.456.174	-	324.614.330	-
Phải thu khách hàng	44.700.000.000	-	35.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	29.009.115.804	28.959.115.804	29.459.115.804	28.959.115.804
Phải thu về cho vay dài hạn	3.860.720.548	-	20.722.824.304	-
Cộng	**78.975.292.526**	**28.959.115.804**	**85.506.554.438**	**28.959.115.804**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách	
	30/06/2026	**01/01/2026**
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	538.972.607	359.005.329
Các khoản phải trả khác	337.319.689	339.684.993
Cộng	**876.292.296**	**698.690.322**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, phải thu khác, phải trả người bán, và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá dựa trên thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

- Các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tàu chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/06/2026, Công ty không có đảm bảo cho đơn vị khác bất kỳ tài sản nào và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Hiện tại khoản phải thu từ bán hàng của Công ty chủ yếu là nợ quá hạn của hai khách hàng, nên rủi ro tập trung vào hai khách hàng này. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với khoản phải thu từ hai khách hàng này.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty cho bên liên quan và đối tác vay tiền. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản cho vay là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ (30/06/2026)	**876.292.296**	**-**	**876.292.296**
Phải trả cho người bán	538.972.607	-	538.972.607
Các khoản phải trả khác	337.319.689	-	337.319.689
Số đầu kỳ (01/01/2026)	**698.690.322**	**-**	**698.690.322**
Phải trả cho người bán	359.005.329	-	359.005.329
Các khoản phải trả khác	339.684.993	-	339.684.993

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của mình. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán.

Công ty đã điều chỉnh lại số liệu một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 (gọi tắt là "BCTC 2025") do Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 thay cho Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2025 (gọi tắt là "BCTC 2025") như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trên BCTC 2025 (đã công bố)	Số liệu so sánh trên BCTC (trình bày lại)	Số liệu thay đổi tăng/ giảm
a/ Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	35.000.000.000	-	(35.000.000.000)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026